

PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT POLY ALUMINUM CHLORIDE

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 1327-41-9 Số UN: 3264 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: PAC	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Poly aluminum chloride	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: dùng xử lý nước	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Poly aluminum chloride	1327-41-9	$Al_n(OH)_mCl_{3n-m}$	30%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Sản phẩm không cháy
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tránh hít bụi sản phẩm

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Gây kích ứng cho da, mắt, hệ hô hấp.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Dùng nước sạch rửa nhiều lần tối thiểu 10 phút. Yêu cầu giúp đỡ về y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Trút bỏ quần áo dính sản phẩm và xối rửa vùng cơ thể bị thương bằng nước.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nhanh chóng rời khỏi khu vực bị ảnh hưởng. Yêu cầu giúp đỡ về y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Cho súc miệng nước sạch nhiều lần, sau đó dung dịch Natri Bicarbonate 5% và bằng thuốc làm dịu chống viêm như sữa.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Cần có sự theo dõi về y tế.



V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: như trong mọi ngọn lửa.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Tìm chỗ rò rỉ bịt lại, dùng dụng cụ như xô, ca nhựa múc thu hồi rồi dùng nước xối rửa sạch mặt bằng nơi tràn chảy hóa chất.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó dùng nước vôi hoặc soda trung hòa, phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân, cách ly khỏi kim loại, các chất hữu cơ, nitrate, chlorate và carbide.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn, vật liệu là nhựa, thủy tinh, thép phủ composit, khu vực chứa phải có bờ ngăn, phương tiện thu hồi khi có tràn chảy.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc...)

Thông gió khu vực làm việc, tránh tiếp xúc với da, mắt và hít bụi sản phẩm. Tránh tạo ra bụi trong quá trình làm việc. Cách ly khỏi kim loại và các chất hữu cơ.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Mang quần áo bảo hộ lao động, mắt kính, khẩu trang, găng tay, đi giày hoặc ủng.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hoá chất.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng bột

Điểm sôi (°C): 120°C

Màu sắc: màu vàng

Điểm nóng chảy (°C): -12°C

Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ hòa tan trong nước: hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ PH : 3-5 (dung dịch 1% KI)	Tỷ lệ hóa hơi: không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3):	Các tính chất khác nếu có



X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: khi nhiệt độ cao, sấy khô phân hủy thành khí HCl và Al_2O_3 .
- Các phản ứng : Tránh tiếp xúc với các chất kiềm như NH_3 và dung dịch của nó; NaOH; KOH; có khả năng ăn mòn kim loại như nhôm, niken, đồng.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH.

2. Các ảnh hưởng độc khác : không có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Làm tổn thương các sinh vật trong hệ sinh thái với lượng lớn.

2. Tác động trong môi trường

- Một lượng lớn chất thải ra có thể gây ra sự axit hóa các dòng chảy, là một chất gây đông có thể gây ra sự lắng đọng các thể rắn trong hệ.
- Mức độ phân hủy sinh học: không bị vi khuẩn phân hủy.
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

Dùng các chất kiềm để trung hòa.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

Các muối và nước không độc hại.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường	Loại, nhóm hàng	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
--------------	-------	----------------------	-----------------	-------------------	-----------------	-------------------

		biên	nguy hiểm			
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	3264	Poly aluminum chloride	8	25kg/bao		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 30/10/2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15/01/2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

TM CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

